# Xy lanh dẹt
# DZF-2"-1"-A-P-A

Số bộ phận: 194237

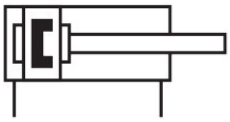

## Bảng dữ liệu

| Đặc tính | Giá trị |
|---|---|
| Hành trình | 1 in |
| Ø pít tông | 2" |
| Góc xoay tối đa của thanh piston +/- | 0.5 ° |
| Đệm | Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu |
| Nguyên tắc vận hành | tác động kép |
| Bảo vệ chống xoay/dẫn hướng | Pít-tông bầu dục |
| Áp suất vận hành | 0.1 MPA...1 MPA<br>1 bar...10 bar |
| Môi chất vận hành | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4] |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK | 2 - bị ăn mòn vừa phải |
| Tuân thủ LABS | VDMA24364-B1/B2-L |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh | -20 °C...80 °C |
| Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi | 990 N |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luồng | 1178 N |
| Khối lượng di chuyển ở hành trình 0 mm | 219 g |
| Khối lượng di chuyển bổ sung trên mỗi hành trình 10 mm | 24 g |
| Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm | 25 g |
| Trọng lượng cơ bản ở hành trình 0 mm | 854 g |
| Cổng nối khí nén | 1/4 NPT |
| Vật liệu phủ | Nhôm |
| Vật liệu của phớt | FPM<br>TPE-U (PU) |
| Vật liệu vỏ | Hợp kim nhôm rèn |
| Vật liệu thanh piston | thép hợp kim |